

Văn bia và giá trị nghiên cứu qua loại hình bia hậu (khảo sát trên địa bàn Hà Tây cũ) : Luận văn ThS. Khu vực học: 60 31 60 \ Nguyễn Bích Trà ; Nghd. : PGS.TS. Vũ Văn Quân

1. Lý do chọn đề tài

Trong những di sản văn hóa dân tộc mà cha ông để lại, di sản Hán Nôm chiếm một vị trí quan trọng. Tư liệu di sản Hán Nôm có giá trị lâu bền nhất là văn bản khắc trên bia đá. Ở khắp các tỉnh thành Việt Nam hầu như nơi đâu cũng có văn bia. Cho đến nay, có khoảng hơn 30.000 thạc bản văn bia Hán Nôm đã được sưu tầm, niên đại dựng bia có từ thời Bắc thuộc đến hết thời kỳ phong kiến ở Việt Nam [30, tr.9]. Việc tìm hiểu và nghiên cứu số văn bia sưu tầm này đã được tiến hành cho chúng ta nhiều giá trị quý báu. Những giá trị của văn bia Hán Nôm là cơ sở để tìm hiểu về xã hội Việt Nam thời kỳ trung – cận đại. Đó cũng là nhu cầu cấp bách của khoa học và thực tiễn.

Hà Tây (cũ) vốn là vùng đất cổ và cũng là địa phương có số lượng văn bia Hán Nôm nhiều nhất trong cả nước. Cho đến năm 2007, chúng ta đã sưu tầm được khoảng 2700 thạc bản văn bia ở đây và chủ yếu từ các di tích đình, chùa, đền, miếu [30, tr.51]. Với nhiều loại hình, nội dung văn bia phản ánh đa dạng và phong phú về các lĩnh vực văn hóa, xã hội, lịch sử, kinh tế của địa phương. Tuy nhiên, chưa có một công trình nào nghiên cứu về những giá trị nội dung của văn bia Hà Tây.

Trong số văn bia ở Hà Tây có một loại hình văn bia tôi đặc biệt chú ý, đó là văn bia hậu Thần, hậu Phật, hậu Hiền (gọi chung là văn bia hậu). Văn bia hậu chiếm một khối lượng lớn trong số văn bia ở Hà Tây. Loại văn bia này bắt đầu xuất hiện từ những năm giữa thế kỷ XVII và có sự phát triển nhanh chóng về số lượng ở thời kỳ sau. Nội dung ghi lại trên bia hậu rất phong phú và có giá trị để nghiên cứu tình hình văn hóa xã hội ở Hà Tây nói riêng và Việt Nam thời kỳ phong kiến nói chung. Chính vì những lý do trên, tôi quyết định đề tài cho luận văn của mình là: “Văn bia và giá trị nghiên cứu qua loại hình bia hậu (khảo sát trên địa bàn Hà Tây cũ)”.

2. Mục tiêu nghiên cứu

Lựa chọn đề tài này, tôi muốn tìm hiểu về văn bia Việt Nam nói chung, văn bia Hà Tây nói riêng và tôi đặc biệt lưu ý đến loại hình bia hậu ở Hà Tây. Trên cơ sở đó, việc tìm hiểu về văn bia Hà Tây có được tính hệ thống về hình thức và nội dung. Qua đây, thấy được những giá trị của văn bia và giá trị của văn bia hậu Hà Tây.

3. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là những nội dung khái quát về văn bia Hán Nôm. Từ đó, đi vào nghiên cứu nội dung tất cả các thác bản văn bia Hà Tây trong các thời kỳ lịch sử và trên các đơn vị huyện, thành của tỉnh.

Về phạm vi thời gian nghiên cứu văn bia Hán Nôm Hà Tây, chúng tôi tìm hiểu văn bia Hà Tây từ khi xuất hiện đến năm 1945.

Phạm vi không gian nghiên cứu: Trong luận văn này tôi tập trung tìm hiểu văn bia trên địa bàn tỉnh Hà Tây (cũ) trước khi sát nhập vào Hà Nội (trước ngày 1/8/2008).

4. Phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng tỏ những vấn đề về văn bia, văn bia Hà Tây, bia hậu ở Hà Tây chúng tôi sử dụng phương pháp thống kê, định lượng, phân loại thác bản bia. Phương pháp này quán xuyên toàn bộ luận văn.

Để tìm hiểu nội dung được đề cập đến trong văn bia chúng tôi sử dụng phương pháp liên ngành trong quá trình nghiên cứu về văn bia như: sử học, văn hóa học, văn bản học.

Điều đã thực tế tại một số địa phương còn lưu giữ được văn bia.

5. Đóng góp của luận văn

Luận văn góp phần cung cấp tư liệu đã được định tính, định lượng về văn bia Hà Tây và bia hậu Hà Tây. Đây là lần đầu tiên có luận văn nghiên cứu phân loại văn bia Hà Tây theo niên đại, theo địa danh và theo loại hình di tích.

Luận văn đã nghiên cứu giá trị của văn bia Hà Tây và bia hậu qua các thời kỳ lịch sử. Giá trị nghiên cứu của loại hình bia hậu trong luận văn này cho thấy những mặt tích cực, những nét đẹp văn hóa của hình thức cúng hậu và những mặt còn hạn chế.

Kết quả nghiên cứu của luận văn có thể sử dụng để tra cứu các văn bia ở Hà Tây theo đơn vị hành chính huyện, xã hoặc tra cứu theo kí hiệu của văn bia.

6. Cấu trúc của luận văn

Ngoài phần *Mục lục* (3 trang), *Danh mục các chữ viết tắt* và *Danh mục bảng thống kê* (2 trang), *Phần mở đầu* (6 trang), *Phần kết luận* (2 trang) Tài

liệu tham khảo (6 trang), *Phụ lục* (72 trang), phần nội dung luận văn gồm 98 trang, được chia làm ba chương như sau:

Chương 1. Vài nét về văn bia Việt Nam

Chương 2. Khái quát văn bia Hà Tây

Chương 3: Bia hậu và những giá trị nghiên cứu

NỘI DUNG LUẬN VĂN

Chương 1: Vài nét về văn bia Việt Nam

1.1. Thuật ngữ văn bia

Văn bia xuất hiện từ khá sớm, truyền thống sáng tạo văn bia bắt đầu từ Trung Quốc, sau đó lan truyền sang các nước như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam.

Văn bia là danh từ có nguồn gốc chữ Hán, được dịch theo nghĩa của từ bi văn (碑 文), bi ký (碑 記) hay bi minh (碑 銘). Bi văn, bi ký, bi minh là những thuật ngữ đều bắt nguồn từ chữ bi (碑)- “cái bia”, “tấm đá ghi nhớ” [3, tr.27]. Còn văn, kí, minh là những thể văn dùng để ghi chép trên tấm đá đó. Khi dịch những thuật ngữ bi văn, bi ký, bi minh chúng đều có chung nghĩa đó là những thể văn cổ, là văn chương khắc trên bia đá với ý dùng bia ghi sự việc.

Kết cấu của văn bản văn bia thường có hai phần: ký (tự, chí) và bài minh. Văn bia cũng có những quy định về hình thức trình bày trang trí và cách gọi tên.

Văn bia khi gặp các chất liệu tạo tác khác nhau được mang những tên gọi khác nhau, ví như khi được khắc vào vách đá nó được gọi là ma nhai hoặc khắc thạch.

Như vậy, thuật ngữ văn bia được hiểu là văn chương khắc trên bia đá.

1.2. Sự hình thành và phát triển ở Việt Nam

Văn bia Hán Nôm Việt Nam được hình thành trong mối quan hệ văn hóa và tiếp nhận ảnh hưởng truyền thống sáng tạo văn bia từ Trung Quốc. Tuy nhiên, văn bia Việt Nam có sự hình thành và phát triển mang những nét đặc trưng riêng theo bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc.

1.3. Tình hình sưu tầm và nghiên cứu văn bia ở Việt Nam

Việc sưu tầm văn bia được các học giả Việt Nam bắt đầu từ thế kỷ XV. Đến thế kỷ XX, văn bia Hán Nôm được giới nghiên cứu khoa học quan tâm toàn diện hơn ở hai lĩnh vực sưu tầm và nghiên cứu khai thác. Việc sưu tầm bia được tiến hành thông qua biện pháp in rập thành thác bản để sử dụng cho công tác lưu trữ và nghiên cứu. Những năm đầu của thế kỷ XX, E.F.E.O đã tổ chức một đợt sưu tập thác bản văn khắc Hán Nôm ở hơn 40 tỉnh trong phạm vi cả nước. Sau nhiều năm triển khai, kết quả E.F.E.O đã thu thập được 11.651 đơn vị văn khắc với 20.980 mặt thác bản.

Từ năm 1945 đến nay, công việc sưu tầm và nghiên cứu văn bia được Đảng và Nhà nước quan tâm. Với quyết định thành lập Viện nghiên cứu Hán Nôm, văn bia Hán Nôm trên cả nước đã được tiến hành điều tra, sưu tập và nghiên cứu bài bản, khoa học. Kết quả khối lượng tư liệu văn khắc Hán Nôm đã được thu thập khoảng hơn 30.000 mặt thác bản.

1.4. Các loại hình văn bia

Có rất nhiều loại hình văn bia khi xem xét chúng ở từng khía cạnh khác nhau của văn bia. Khi căn cứ vào địa điểm dựng bia ta có loại hình bia chùa, bia đình, bia miếu, bia quán, bia đền, bia mộ; Khi căn cứ vào hình thức

của bia có thể là bia vuông, bia tròn, bia tượng....; Khi căn cứ theo nội dung của bia thì có loại hình bia ghi công, bia ghi việc, bia ca ngợi (thuật đức),Nghiên cứu văn bia Hán Nôm Việt Nam cần xem xét một cách đầy đủ và hài hòa các loại hình trên. Cách phân chia loại hình văn bia nhiều người sử dụng đó là căn cứ vào nội dung văn bia phản ánh.

1.5 Giá trị nghiên cứu của văn bia

Văn bia Việt Nam là một trong những quốc gia có khối lượng lớn nhất ở Đông Nam Châu Á, là nguồn tư liệu quan trọng về thời trung đại và cận đại của đất nước. Văn bia đối với khoa học lịch sử nói riêng và khoa học xã hội nói chung là những tài liệu rất quan trọng.

1.5.1. Giá trị nghiên cứu về lịch sử

Giá trị nghiên cứu lịch sử của văn bia thể hiện ở nội dung về lịch sử tư tưởng, lịch sử khoa bảng, lịch sử làng xã.

1.5.1.1. Giá trị nghiên cứu về lịch sử tư tưởng

Trên những văn bia chúng ta tìm thấy lịch sử tư tưởng của Việt Nam thời kỳ trước. Những tư tưởng này đã chi phối toàn bộ đời sống chính trị - xã hội, văn hóa của nước ta qua mỗi giai đoạn lịch sử.

1.5.1.2. Giá trị nghiên cứu về lịch sử khoa cử

Lịch sử khoa cử Việt Nam gắn liền với sự phát triển của Nho giáo ở Việt Nam. Việc tổ chức khoa cử và tên những người đỗ đạt qua các kì thi đã được ghi lại trên bia đá, tiêu biểu là hệ thống văn bia đề danh Tiến sĩ ở các văn miếu.

Văn bia đề danh Tiến sĩ Việt Nam còn là những tư liệu rất có giá trị góp phần nghiên cứu lịch sử khoa cử Việt Nam, như: chế độ thi cử (việc qui định

niên khoá thi, thể lệ thi, v.v..), tên gọi các khoa thi (Minh kinh bác sĩ, Thái học sinh, Hương, Hội, Đình, v.v..), cách gọi các thứ bậc những người đỗ đại khoa của từng thời kỳ lịch sử (Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa, Nhất giáp, Nhị giáp, Tam giáp).

1.5.1.3. Giá trị nghiên cứu về lịch sử làng xã

Những văn bia của các làng xã còn đến hiện nay giúp chúng ta có thêm thông tin về làng xã thời kỳ trước đây, những sự kiện đã diễn ra ở vùng đó. Văn bia của làng xã phản ánh quá trình vận động phát triển của kết cấu và tổ chức xã hội nông thôn.

1.5.2. Giá trị nghiên cứu về kinh tế, xã hội, văn hóa

- Giá trị nghiên cứu về kinh tế thể hiện ở nội dung của các văn bia chợ, văn bia về việc xây dựng các công trình công cộng phục vụ đời sống nhân dân.

- Giá trị nghiên cứu về văn hóa thể hiện ở nội dung của các văn bia gửi giỗ, bia hậu, bia thờ cúng Tổ tiên, thờ cúng Tổ nghề..

- Văn bia còn có giá trị nghiên cứu văn chương: các thể văn học cổ ở Việt Nam, văn xuôi chữ Hán, thơ chữ Hán, chữ Nôm.

- Văn bia có giá trị khi nghiên cứu về mỹ thuật ở Việt Nam: nghệ thuật chạm khắc, các hoa văn thể hiện trên văn bia.

*** Tiểu kết chương 1**

Văn bia là kết quả việc tiếp thu trong quá trình giao lưu văn hóa Việt Nam và Trung Hoa. Tuy nhiên, văn bia Việt Nam có những sáng tạo riêng phù hợp với văn hóa và đời sống của người Việt. Số lượng văn bia còn lại khá đồ sộ và nội dung văn bia Việt Nam cũng vô cùng phong phú, đó là kết

quả của công tác sưu tập trong gần một thế kỷ qua của các nhà nghiên cứu Hán Nôm.

Văn bia đã ghi lại nhiều khía cạnh của cuộc sống xã hội đương thời. Trải qua thời gian của lịch sử những văn bia còn được lưu giữ đã cho chúng ta thấy giá trị quan trọng và tích cực của nó trong việc nghiên cứu lịch sử, văn học, mỹ thuật, kinh tế, văn hóa, xã hội Việt Nam thời phong kiến. Chính vì vậy, chúng ta cần chú trọng đến công tác bảo tồn những văn bia hiện tại ở các di tích để văn bia Việt Nam còn mãi ngàn năm.

Chương 2: Khái quát văn bia Hà Tây

2.1. Vài nét về vùng đất Hà Tây cũ

Hà Tây là vùng đất cổ có lịch sử hình thành và được khai phá từ lâu đời. Hà Tây có vị trí quan trọng, tiếp giáp của vùng đồng bằng sông Hồng nổi tiếng trù phú với vùng núi phía Bắc và Tây bắc. Lịch sử Hà Tây có nhiều biến động cùng với lịch sử hình thành nước Việt. Địa giới hành chính của vùng đất này cũng có những chuyển dịch qua các thời kỳ. Những thay đổi về phương diện hành chính địa lý và những biến động của lịch sử là đề tài ghi chép lại trên một số văn bia.

Địa giới hành chính của Hà Tây thay đổi qua các thời kỳ lịch sử, tuy nhiên trong luận văn này chúng tôi tìm hiểu và căn cứ vào địa lí hành chính trước khi tỉnh Hà Tây (cũ) sát nhập vào Hà Nội (ngày 1/8/2008)

2.2. Văn bia Hà Tây

2.2.1. Tình hình chung

2.2.1.1. Niên đại

- Văn bia Hán Nôm cho đến nay được coi là có niên đại sớm nhất tìm thấy trên đất Hà Tây (cũ) bắt đầu từ thời Trần, Lê sơ, Mạc, Lê Trung hưng, Tây Sơn, Nguyễn, hầu như ở niên đại nào cũng có văn bia. Văn bia thời Lê Trung hưng và thời Nguyễn lưu giữ nhiều văn bia nhất cho đến nay.

2.2.1.2. Địa điểm

Văn bia hầu hết được bảo tồn ở các cơ sở di tích, danh lam thắng cảnh, núi non hang động, chùa chiền, miếu mạo, nhà thờ họ, văn chỉ, vũ chỉ, v.v..., sự phân bố của văn bia Hà Tây theo không gian cũng không nằm ngoài thông lệ.

- Phân theo huyện, thành:

Đơn vị hành chính tỉnh Hà Tây trước ngày 1/8/2008 bao gồm 2 thành phố Hà Đông, Sơn Tây và 12 huyện.

Qua khảo sát hơn một nghìn thác bản văn bia trên 14 đơn vị huyện, thành: Huyện tập trung nhiều văn bia nhất là Phúc Thọ với 160 bia, tiếp theo đó là huyện Thạch Thất và Đan Phượng có 137 văn bia, thành phố Hà Đông có 124 văn bia, huyện Thường Tín và huyện Quốc Oai có 118 văn bia, huyện Hoài Đức có 110 văn bia, huyện Thanh Oai có 100 văn bia.

Huyện có ít văn bia nhất là huyện Mỹ Đức với 6 bia và huyện Phú Xuyên có 7 bia.

- Phân theo loại hình di tích:

Khi tìm hiểu sự phân bố văn bia theo loại hình di tích chúng tôi nghiên cứu căn cứ vào nội dung phản ánh trên văn bia để xếp loại chứ không hoàn toàn căn cứ theo địa điểm sưu tầm. Những loại hình di tích lịch sử văn hóa có

văn bia bao gồm: chùa, đình, đền, miếu, am, quán, nhà thờ họ, văn chỉ, từ chỉ, từ vũ, cầu, chợ, giếng, ngõ....

Bảng phân bố theo di tích các huyện, thành (đơn vị: số văn bia)

TT	Tên huyện, thành	Tên các loại hình di tích												
		chùa	đình	đền	miếu	nhà thờ họ	văn chỉ	từ chỉ	vũ chỉ	quán	am	cầu	đường	chợ
1	Ba Vì	38	14	4	1	3	3	1	0	0	0	2	0	1
2	Chương Mỹ	8	13	1	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0
3	Đan Phượng	66	26	1	26	2	12	0	1	0	0	3	0	0
4	Hà Đông	94	12	0	2	4	11	0	0	0	1	0	0	0
5	Hoài Đức	74	6	11	4	4	3	0	3	4	0	0	1	1
6	Mỹ Đức	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	1	0
7	Phú Xuyên	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
8	Phúc Thọ	70	50	14	1	2	12	1	3	0	0	2	0	0
9	Quốc Oai	53	49	3	1	3	1	1	0	0	1	0	2	2
10	Sơn Tây	5	3	0	1	1	2	0	1	0	0	0	0	0
11	Thạch Thất	67	44	0	1	2	15	3	2	0	0	1	0	0
12	Thanh Oai	76	11	0	0	7	4	0	0	1	0	1	0	2
13	Thường Tín	75	30	2	0	1	9	0	0	0	0	1	0	2
14	Ứng Hòa	10	4	0	0	4	1	0	0	0	0	1	0	0
Tổng		648	262	36	37	33	75	6	10	5	2	11	4	8

Phân bố theo loại hình di tích của văn bia Hà Tây, nhiều nhất là văn bia chùa với số lượng là 648 (chiếm 56,5 %), sau đó là bia đình với 262 văn bia (chiếm 22,8%) và 75 bia văn chỉ (chiếm 6,5 %). Loại hình di tích có ít văn bia đó là quán (5 văn bia), chợ (8 văn bia), diêm (1 văn bia), am (2 văn bia), giếng (1 văn bia).

Trải qua hơn 1000 năm, văn bia Hán Nôm Hà Tây có lịch sử phát triển khá dài với sự tăng dần về số lượng. Văn bia có ở tất cả các huyện, thành của Hà Tây, tuy nhiên có sự phân bố không đồng đều.

2.2.2. Những nội dung chủ yếu

2.2.2.1 Văn bia góp phần nghiên cứu các nhân vật lịch sử

Hà Tây vốn là mảnh đất địa linh nhân kiệt, có nhiều anh hùng hào kiệt xuất chúng. Tên tuổi của những nhân vật đó không chỉ được ghi trong sách sử, truyền thuyết, truyện kể mà còn được khắc lên bia đá để ghi lại muôn đời như: Hai Bà Trưng, Bô Cái Đại Vương- Phùng Hưng, Ngô Quyền, Nguyễn Trãi.

2.2.2.2. Văn bia góp phần nghiên cứu các di tích văn hóa lịch sử

Những di tích lịch sử văn hóa của Hà Tây được ghi lại trên văn bia hiện nay còn khá nhiều. Những di tích này thường gắn với những nhân vật trong lịch sử, hoặc những vị thần trong dân gian. Có thể kể đến là: đình Phùng Hưng (Đường Lâm - Sơn Tây), nhà thờ Trạng nguyên họ Nguyễn làng Canh Hoạch (xã Dân Hòa - Thanh Oai), chùa Bối Khê (Tam Hưng - Thanh Oai), chùa Trăm Gian, đình Tây Đằng, v.v...

2.2.2.3. Văn bia góp phần tìm hiểu các hoạt động của làng xã

Các hoạt động của làng xã thể hiện qua văn bia chủ yếu ở việc xây dựng và tu sửa các công trình tín ngưỡng thờ tự, các giao kèo, khoán ước....

- Xây dựng và tu sửa các công trình tín ngưỡng: chùa, đình, đền, miếu, quán, am, văn miếu, văn chỉ...

-Xây dựng các công trình công cộng phục vụ đời sống kinh tế: lập chợ, làm và tu sửa đường xá, cầu, cống

2.2.3.4. Văn bia góp phần nghiên cứu sinh hoạt văn hóa

Các hoạt động sinh hoạt văn hóa ở Hà Tây được ghi lại trên văn bia nhiều nhất là hát cửa đình. Có vài chục văn bia ghi lại nội dung mua bản quyền hát cửa đình tại các làng xã ở Hà Tây.

Ngoài ca hát cửa đình ra, ở các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ còn có loại hình nghệ thuật biểu diễn múa rối nước. Văn bia Hà Tây có ghi lại hoạt động này tại bia chùa Quảng Nghiêm, xã Tiên Lữ, huyện Yên Sơn, phủ Quốc Oai, trấn Sơn Tây nay thuộc chùa Trăm Gian, thôn Tiên Lữ, xã Tiên Phương, huyện Chương Mỹ, có niên đại: Chiêu Thống thứ 1 (1787).

2.2.3.5. Văn bia góp phần nghiên cứu phong tục, tập quán ở địa phương

Phong tục, tập quán trên văn bia Hà Tây chúng tôi tìm hiểu ở việc gửi giỗ, bầu hậu và thờ tổ nghề.

Bia gửi giỗ được dựng để ghi nhớ những người đã gửi giỗ và họ phải được thờ cúng sau khi mất. Ví dụ như: *Diễn khánh lưu hậu bi 演馨留後碑* (xã Phụng Châu, huyện Chương Mỹ), niên đại Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709).

Tục bầu hậu có sau gửi giỗ nhưng có số người tham gia đông đảo bởi nó phù hợp với tâm lý của người dân.

Tục thờ tổ nghề để thể hiện lòng biết ơn và đồng thời đây là nét đẹp văn hóa trong phong tục của người Hà Tây. Một số văn bia ở Hà Tây có ghi lại việc này: như: văn bia *Sùng sư báo bản bi kí* 崇師報本碑記, ở thôn Ý La, phường Dương Nội, Hà Đông, niên đại Chính Hòa thứ 25 (1704).

*** Tiểu kết chương 2**

Hà Tây là vùng đất cổ với nền văn hiến được hình thành từ lâu. Trải qua thời gian của lịch sử, mảnh đất này có nhiều sự thay đổi về địa lý hành chính góp phần cho vùng đất này được mở rộng hơn.

Những văn bia này vô cùng có giá trị cho các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, dân tộc học, ...khi tìm hiểu về Hà Tây. Tuy nhiên, cho đến nay công trình nghiên cứu về văn bia Hà Tây là chưa nhiều, chưa khai thác được hết những giá trị của văn bia.

Chương 3: Bia hậu và những giá trị nghiên cứu

3.1. Bia hậu

Trong tổng số bia hiện lưu giữ tại thư viện của Viện nghiên cứu Hán Nôm thì bia hậu chiếm một số lượng áp đảo so với các loại bia khác. Các tỉnh có số bia hậu khá lớn như Hà Nội, Hà Tây (cũ), Vĩnh Phúc, Hải Dương....

Văn bia hậu bắt đầu xuất hiện ở Hà Tây từ thế kỷ XVII và có sự phát triển nhanh về số lượng cũng như phạm vi phân bố.

3.1.1. Số lượng

Văn bia ở Hà Tây có tổng số 1147 thì bia hậu có tới 523 văn bia (chiếm 46% văn bia ở Hà Tây). Trong số 523 văn bia hậu thì có 177 bia hậu Thần

(chiếm 33%), 324 bia hậu Phật (chiếm 62%), 12 bia hậu Hiền (chiếm 2%), 10 bia hậu Giáp (chiếm 1,8%).

3.1.2. Phân bố

3.1.2.1. Phân bố theo không gian

Phân bố theo không gian của bia hậu đó là sự phân bố theo huyện, thành của Hà Tây và phân bố theo loại hình di tích.

Sự phân bố của bia hậu theo đơn vị hành chính huyện, thành ở Hà Tây cũng như các loại bia khác thì nơi nhiều bia, có nơi ít bia.

Bảng văn bia hậu ở các huyện, thành Hà Tây (đơn vị: số văn bia)

TT	Huyện, thành	hậu Thần	hậu Phật	hậu Hiền	hậu Giáp
1	Ba Vì	13	11	0	0
2	Chương Mỹ	3	3	2	0
3	Đan Phượng	16	35	2	7
4	Hà Đông	15	58	1	0
5	Hoài Đức	4	42	4	0
6	Mỹ Đức	0	0	0	0
7	Phú Xuyên	1	0	0	0
8	Phúc Thọ	31	41	3	0
9	Quốc Oai	35	18	0	1
10	Sơn Tây	1	1	0	0
11	Thạch Thất	31	40	1	0
12	Thanh Oai	6	40	0	0
13	Thường Tín	14	36	0	0

14	Ứng Hòa	8	0	0	0
----	---------	---	---	---	---

Văn bia hậu theo loại hình di tích chủ yếu được lập tại các cơ sở thờ tự tín ngưỡng như chùa, đình, đền, miếu, văn chỉ. Thường thì, ở đình, đền – miếu thì bầu hậu Thần; ở chùa thì bầu hậu Phật, văn chỉ thì bầu hậu Hiền; ở làng xã có thể là hậu Giáp, hậu ngõ, hậu xóm.....

3.1.2.2. Phân bố theo thời gian

Bia hậu được coi là sớm nhất ở Hà Tây là văn bia *Đan Sĩ xã bi/Thượng hạ đại tiểu đẳng* (thôn Đa Sĩ, xã Kiến Hưng, Hà Đông), có niên đại dựng năm Mậu Tý niên hiệu Phúc Thái (1648).

Thời nhà Lê Trung hưng có 301 văn bia, trong đó chủ yếu ở hai niên đại Chính Hòa và Cảnh Hưng.

Thời Tây Sơn, số bia hậu có 35 bia, niên đại Quang Trung có 8 văn bia và 27 bia ở niên đại Cảnh Thịnh (1792- 1802).

Văn bia hậu Hà Tây thời Nguyễn có 103 bia, nhiều nhất ở niên đại Gia Long (34 bia), Minh Mệnh (24 bia), Thành Thái (20 bia).

Bia hậu xuất hiện muộn hơn so với các văn bia khác nhưng nó đóng góp một số lượng văn bia lớn cho Hà Tây cũng như cho văn bia nước nhà. Trải qua hành trình hình thành và phát triển khoảng 4 thế kỷ bia hậu bị suy yếu.

3.2. Giá trị nghiên cứu về bia hậu

3.2.1. Giá trị về hình thức

Cũng như các loại bia khác, bia hậu có hình thức đa dạng. Hình dáng của bia thường gồm ba phần: trán bia, thân bia và đế bia.

Trình tự bài văn ghi trên bia thường theo công thức chung: Trước tiên là tên làng xã ở thời điểm dựng bia, sau đến họ tên, quê quán, công trạng của vị hậu, tiếp đến là những quy ước của làng với vị hậu, phần cuối là ngày tháng năm dựng bia; phía góc trái ghi họ tên người soạn, người viết, người khắc.

3.2.1.1. Kích thước

Bia hậu thường có kích thước khiêm tốn, ít có bia quá lớn. Một số bia hậu có kích thước khá lớn ở Hà Tây đều là khắc ghi công của những vị quan, hay những người có chức vị trong triều đình. Bia hậu có kích thước nhỏ chiếm số lượng chủ yếu, do những người dân tự nguyện bỏ tiền ra để mua đá về dựng bia. Ví dụ như: văn bia *Hoàng Vân tự/Cúng điền trì/Hậu Phật bi* (xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức), niên đại Chính Hòa thứ 2 (1681), có kích thước 30 x 50cm. Văn bia *Hậu phật bi kí* (xã Tảo Dương Văn- Ứng Hòa), niên đại Cảnh Hưng thứ 23 (1762), có kích thước 25 x 37cm (ký hiệu: 8906/8907).

3.2.1.2. Mỹ thuật

Trên bia hậu ở Hà Tây được trang trí theo môtip rồng châu, phượng châu mặt nguyệt, mây tua trên trán bia, v.v...Diềm bia được chạm hoa văn kỳ hà, cuốn thư, nghiên bút. Bia hậu được trang trí đơn giản, rất nhiều bia không có hoa văn, bởi bia hậu phần lớn là sản phẩm của dân gian.

Mỹ thuật thể hiện trên văn bia hậu cần được quan tâm đó là loại bia tượng hậu. Bia tượng hậu là loại bia có mặt trước tạc chân dung người được bầu hậu, mặt sau mài phẳng để khắc văn bia. Loại bia tượng hậu đã tạc lại được hình ảnh của bản thân hậu Thần, hậu Phật khá chân thực như: bia *Hậu Phật kí/Công đức danh* (xã Cự Khê - Thanh Oai), niên đại Chính Hòa thứ 16 (1695), có kích thước 28 x 110cm, tạc tượng bà Nguyễn Thị Lũy (ký hiệu: 2210/2211).

3.2.1.3. Người soạn

Văn bia hậu ở Hà Tây được viết khá bài bản, nhiều bia do các Tiến sĩ, quan lại, nho sinh, các nhà sư, tri huyện, xã trưởng và những trí thức có uy tín ở địa phương soạn.

3.2.2. Giá trị về nội dung

Văn bia hậu Hà Tây với số lượng khá lớn, phân bố khắp trên các huyện thành, trải dài từ thời Lê Trung hưng qua thời Tây Sơn đến thời nhà Nguyễn. Nội dung ghi trên bia hậu khá đa dạng nhưng cơ bản nhất vẫn là đề cập đến việc bầu hậu, cúng hậu. Nội dung của bia hậu cung cấp cho chúng ta những thông tin quý báu về xã hội, văn hóa, kinh tế Hà Tây thời phong kiến.

3.2.2.1 Tục bầu hậu, cúng hậu

- Tục bầu hậu: Từ “hậu” được coi như một danh từ chỉ người được bầu hậu. Hậu Thần, hậu Phật, hậu Hiền là những người có công có đức sau khi được sự bầu chọn của toàn thể cộng đồng, hoặc đại biểu cho cộng đồng làng xã: như Hội đồng sắc mục, Hội đồng tộc biểu, thương lượng biểu quyết và

thông qua, thì những người ấy được bầu làm hậu Thần, hậu Phật của làng, được phối thờ với thần làng trong đền miếu, phối thờ với Phật ở trong chùa. Việc làm như thế gọi là bầu hậu.

+ Những người được bầu hậu, khi mới xuất hiện bia hậu đa phần là người có công với làng xã: Đó là những người có công đánh giặc giữ yên xóm làng được dân nhớ ơn, tôn bầu hậu; Những người có công đức với dân làng như trong các vụ theo kiện tốn kém tiền của, hoặc làng xã gặp khó khăn thiếu tiền chi dùng. Những người này sẵn sàng bỏ tiền để đóng góp mà không đòi hỏi quyền lợi gì, làng xã nhớ ơn nên lập họ là hậu Thần, hậu Phật;

+ Về sau, từ chỗ người ta bầu hậu cho những người có công đức với làng xã, nơi thờ tự (đình, chùa, đền miếu, văn miếu, văn chỉ) đã dẫn đến bán hậu đối với những người có tiền.

+ Đối tượng đóng góp để được bầu hậu: đóng góp ruộng, tiền, vàng bạc, đồ thờ, ... cho làng hoặc đình, chùa,... để được cúng giỗ lâu dài sau khi “trăm tuổi”. Thông thường, người nào có tiền, có của mà không có con trai nối dõi, để khỏi phải chịu cảnh “ cướp cháo lá đa”, thì ngoài việc lập người kế tự để giữ hương hỏa, người ta còn cúng hậu chỉ xuất phát từ một nguyên nhân là không có người nối dõi, phụng thờ. Có người cúng hậu để nhờ làng, đình, chùa... cúng giỗ cho bản thân hoặc những người thân trong gia đình, cũng có người cúng hậu để nâng cao uy tín, địa vị của bản thân, của dòng họ, hay chỉ để được nương nhờ bóng thần phật, để cả làng cúng giỗ mình thì hương hỏa càng được lâu dài. Đối tượng đóng góp để bầu hậu chiếm đa số là phụ nữ, sau đó là các vị thái giám, cung nữ, phi tần.

+ Tiền của do hậu cung tiền thường được ghi rõ là loại tiền gì, tiền cổ hay sử tiền, tiền đồng hay thanh tiền. Ruộng đất, ao vườn do hậu cúng cho làng cũng được ghi chú cẩn thận về vị trí, số mẫu, số sào, thước tấc đều được ghi chi tiết trên văn bia hậu.

- Tục cúng hậu: cúng hậu là hình thờ cúng vị được bầu hậu sau khi họ về thế giới bên kia.

+ Định lệ cúng hậu ghi trên văn bia hậu ở Hà Tây khá chi tiết: như văn bia *Đồ Lê tự hậu Phật bi kí* (xã Hồng Hà, huyện Đan Phượng), niên đại Cảnh Hưng thứ 42 (1781), ghi: 4 giáp làm giỗ, sắm xôi 10 đấu gạo, gà 1 con, rượu 1 vò và cau trầu đủ dùng (ký hiệu: 3492);

+ Đa phần bia hậu nào ở Hà Tây cũng định lệ về cúng giỗ khi được bầu hậu. Đôi khi còn ghi chi tiết nếu không cúng giỗ như đã quy định thì sẽ bị phạt những gì như văn bia *Hậu thân bi kí* (xã Liên Hồng - Đan Phượng), do Nguyễn Hữu Dung soạn, niên đại Cảnh Hưng thứ 43 (1782), định lệ: khi còn sống thì được biếu khi lễ hội và được cúng giỗ sau khi qua đời. Ai làm trái sẽ bị phạt 1 lợn và rượu trị giá 3 quan tiền để làm lễ tạ (ký hiệu: 3323/3324

+ Đối tượng thực hiện cúng hậu là toàn thể làng xã, đình, ... nơi họ gửi hậu.

3.2.2.2. Vấn đề huy động đóng góp cộng đồng được phản ánh qua loại hình bia hậu

- Xây dựng, trùng tu đình, chùa, đền miếu:

+ Văn bia hậu ở Hà Tây có nội dung phản ánh về việc xây đình, đền, miếu có 10 bia ghi lại như: văn bia *Hậu thân bi ký* (xã Liên Hồng, huyện Đan Phượng), niên đại Cảnh Hưng thứ 41 (1780).

+ Văn bia hậu phản ánh về việc tu sửa đình, đền, miếu có 34 bia như: văn bia *Hậu Thần bi ký* (xã Hồng Dương, huyện Thanh Oai), niên đại Khải Định 7 (1922).

+ Việc tu sửa chùa có 54 văn bia hậu phản ánh như: Bia chùa giáp Đông Triền (xã Di Trạch, huyện Hoài Đức), do Lý Trọng Cơ soạn, niên đại Cảnh Thịnh thứ 3 (1795).

+ Có 4 bia hậu ghi lại việc xây dựng và tu sửa văn miếu, văn chỉ ở Hà Tây.

- Xây dựng, trùng tu các công trình phục vụ phát triển kinh tế: Văn bia hậu về việc xây dựng các công trình công cộng phục vụ kinh tế tuy chỉ có số lượng ít ỏi nhưng đã cho chúng ta thấy nhờ sự đóng góp của các hậu mà nhiều chợ đã được mở thúc đẩy buôn bán phát triển, nhiều cây cầu, đường xá được làm và sửa sang giúp cho việc đi lại thuận tiện hơn.

3.2.2.3. Phong tục, tập quán làng xã được thể hiện qua bia hậu

Văn bia hậu là sản phẩm đặc biệt của hoạt động văn hóa, tín ngưỡng nơi làng xã của Hà Tây. Nó phản ánh khá phong phú về phong tục, tập quán, sinh hoạt tín ngưỡng của nông thôn Hà Tây thời bấy giờ. Văn bia hậu ở Hà Tây cũng đã ghi lại nhiều phong tục của các làng xã:

- Văn bia hậu phản ánh tục lệ tế thần ở các làng xã Hà Tây. Tục tế thần diễn ra tại các đình, đền, miếu của các làng.

- Văn bia hậu Hà Tây đã ghi lại tục cúng hậu của người dân nơi đây.

+ Tục cúng hậu ở Hà Tây khi nhìn ở góc độ đạo lý và tín ngưỡng tâm linh đó là một tục lệ tốt. Nó không chỉ có ý nghĩa với một cá nhân người mua hậu hoặc bầu hậu, mà còn có ý nghĩa với cả cộng đồng, xã hội.

+ Tuy nhiên, tục cúng hậu còn bộc lộ mặt tiêu cực : Số ruộng cúng hậu một mặt gây dựng nên cơ sở kinh tế cho làng xã, mặt khác lại gây ra nhiều tiêu cực trong việc chiếm đất làng làm của riêng của những người có thế lực trong làng. Số tiền cúng hậu được sử dụng vào mục đích chung, nhưng một phần lớn lại chi tiêu vào những cuộc khao vọng, chè chén tốn kém.

*** Tiểu kết chương 3**

Văn bia hậu chiếm số lượng lớn trong tổng số văn bia của Hà Tây. Việc bầu hậu ở Hà Tây đã mang lại những kết quả tích cực cho cá nhân, cho làng xã và cho thế hệ sau. Đó là với những cá nhân mong muốn thiết thực của họ là đóng góp cho làng xã, cho quê hương thì họ xứng đáng được ghi nhận và trân trọng. Hình thức ghi ơn có ý nghĩa nhất với họ là được bầu hậu và lập bia ghi nhớ lời cam kết giữa toàn thể dân làng và cá nhân nhận được bầu.

Việc bầu hậu cũng giúp ích không nhỏ với giải quyết khó khăn về tài chính cho làng xã trong các khoản chi dùng. Các công việc tế lễ, tế thần, khao vọng, kiện tụng, tranh chấp của làng xã đều cần có kinh phí để giải quyết. Nhờ có việc bầu hậu, lập hậu đã góp phần cho làng xã ổn định hơn và nề nếp hơn. Đối với nền kinh tế tiểu nông, tài chính manh mún đây thực sự là một biện pháp thu hút kinh phí hữu hiệu.

Việc lập hậu ở Hà Tây đã giải quyết nhiều vấn đề công ích ở phạm vi làng xã, nhiều đình, chùa, cầu cống, đường xá là những công trình tín ngưỡng và công trình công cộng quan trọng ở nông thôn, nhờ có sự đóng góp của hậu đã được xây dựng, tu sửa. Nhờ đó, mà các di tích tín ngưỡng vẫn còn đến ngày nay như chùa Bối Khê, chùa Thầy,

Tục lập hậu ở Hà Tây nói riêng và ở Việt Nam nói chung rất phổ biến, có thể coi như một tín ngưỡng dân gian. Thực chất việc thờ hậu là xuất phát từ tình cảm tốt đẹp của dân. Nhưng trong xã hội cũ đã bị bọn buôn thần bán thánh lợi dụng đưa nhân dân vào con đường mê tín nên nó mang tính tiêu cực ít nhiều.

KẾT LUẬN

Từ rất lâu, người Việt đã thấy được giá trị bền vững của văn bia. Họ đã khắc lên đá gần như tất cả những gì muốn lưu truyền lâu dài như sự ra đời của các công trình, kiến trúc; công đức của cá nhân hay tập thể với các cơ sở thờ tự, với cộng đồng làng xã; sự tích về các vị thần, các di tích; sự nghiệp của các danh nhân; lý lịch của các vương hầu, công chúa, v.v... Đó là những nội dung hết sức đa dạng mà văn bia ghi lại, nó là những tư liệu góp phần bổ sung những chi tiết mà chính sử không ghi, đồng thời là cơ sở để chính sử soi xét. Những nội dung mà văn bia phản ánh góp phần nghiên cứu văn hóa, phong tục ở các vùng miền của đất nước trong sự vận động phát triển của xã hội Việt Nam thời phong kiến.

Văn bia Hán Nôm là hiện thân của văn hiến mấy nghìn năm còn lưu giữ nhiều truyền thống tốt đẹp, việc nghiên cứu với phương châm “kế thừa có chọn lọc, có phê phán, có sáng tạo”, nhằm phục vụ cho việc xây dựng nền văn minh tinh thần Việt Nam, xây dựng tư tưởng mới, văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Hà Tây là một trong những địa phương có số lượng văn bia hiện còn đứng đầu cả nước. Với khối lượng văn bia đồ sộ và phong phú về loại hình văn bia, khi nghiên cứu sẽ giúp chúng ta có những tri thức về vùng đất này trong những giai đoạn lịch sử trước. Những nội dung mà văn bia ghi lại cho thấy Hà Tây là mảnh đất văn hiến lâu đời với nhiều giá trị văn hóa, phong tục tốt đẹp. Văn bia Hà Tây rất có giá trị trong việc tìm hiểu lịch sử địa phương, những địa danh, những vị anh hùng nơi đây. Văn bia còn góp phần tăng giá trị cổ kính của mỗi làng xã và sự linh thiêng cho mỗi ngôi chùa, ngôi đình, đền miếu của Hà Tây.

Trong các loại văn bia ở Hà Tây, một loại văn bia rất có giá trị khi nghiên cứu đó là bia hậu. Văn bia hậu có ở Hà Tây từ giữa thế kỷ XVII và sự phát triển bùng phát về số lượng ở các niên đại Chính Hòa và Cảnh Hưng. Khi khai thác tư liệu văn bia hậu ở Hà Tây, chúng tôi đã tìm thấy nhiều giá trị quý của loại hình bia này. Giá trị lớn của loại bia này là góp phần cung cấp một cách toàn diện đời sống kinh tế, xã hội, văn hóa, phong tục của Hà Tây trong thời kỳ trung và cận đại. Bia hậu góp phần nghiên cứu một nét đẹp trong phong tục Việt Nam đó là tục bầu hậu, những giá trị tốt đẹp của tục lệ này đã có những đóng góp thiết thực cho cộng đồng làng xã thời đó và cả bây

giờ. Tục lệ này bên cạnh những mặt tốt đẹp vẫn còn có điểm hạn chế, đó là dễ bị lợi dụng để tư lợi cá nhân.

Trong xã hội hiện nay, giá trị tục lệ này vẫn có thể phát huy hiệu quả nếu chúng ta có chính sách hợp lý để khuyến khích người dân tham gia các hoạt động xã hội bảo vệ các di sản văn hóa dân tộc và giúp cho các địa phương có thêm nguồn kinh phí phục vụ dân sinh. Những giá trị của thời đại chỉ có ý nghĩa khi nó được đông đảo nhân dân tham gia và khơi dậy được truyền thống dân tộc.